

Số 27 - HD/BTCTW

HƯỚNG DẪN

**Thực hiện chính sách, chế độ đối với cán bộ thôi tái cử
cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và
các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp**

- Căn cứ Quyết định số 152-QĐ/TW ngày 26/10/2018 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Ban Tổ chức Trung ương;

- Căn cứ Chỉ thị số 35-CT/TW ngày 30/5/2019 của Bộ Chính trị về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng (sau đây gọi tắt là Chỉ thị 35);

- Thực hiện Công văn số 1198-CV/BCSĐCP ngày 15/11/2019 của Ban cán sự Đảng Chính phủ và Khoản 2, Điều 8 Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ “Quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội” (gọi tắt là Nghị định 26);

Sau khi trao đổi thống nhất với Ban cán sự đảng Chính phủ, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính; Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn thực hiện như sau:

1. Phạm vi và đối tượng

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Các cấp ủy đảng; Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp, trong quá trình chuẩn bị và tổ chức đại hội.

1.2. Đối tượng áp dụng

- Cán bộ giữ chức vụ, chức danh chuyên trách do bầu cử trong hệ thống chính trị (cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội) không đủ điều kiện tái cử vì tuổi theo quy định tại Chỉ thị 35; quy định tại Nghị định 26 và các quy định khác của các cấp có thẩm quyền.

- Cán bộ giữ chức vụ bổ nhiệm có thời hạn (không phải chức vụ bầu cử), nhưng được cơ cấu cấp ủy các cấp hoặc đồng thời giữ chức vụ chuyên trách (do bầu cử) của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, nay thôi tái cử vì tuổi có nguyện vọng thực hiện theo Nghị định 26.

- Cán bộ được bầu giữ chức danh ủy viên chuyên trách ủy ban kiểm tra Đảng các cấp (từ Trung ương đến cấp huyện và tương đương).

- Cán bộ đủ điều kiện tái cử ở Đại hội Đảng bộ các cấp, nhưng không đủ tuổi tái cử Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp *hoặc còn thời gian công tác từ dưới 36 tháng thì đủ tuổi nghỉ hưu*, nhưng vì sắp xếp nhân sự cấp ủy, bản thân có nguyện vọng và được cấp có thẩm quyền đồng ý.

1.3. Đối tượng không áp dụng

- Cán bộ đã có thông báo nghỉ hưu, quyết định nghỉ hưu của cấp có thẩm quyền hoặc còn từ đủ 06 tháng trở lại, tính từ ngày tổ chức đại hội các cấp đến ngày nghỉ hưu theo quy định.

- Cán bộ không đủ tuổi tái cử cấp ủy theo Chỉ thị 35 nếu không có nguyện vọng thực hiện theo Nghị định 26 hoặc đang tiếp tục làm việc trong cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội⁽¹⁾.

2. Điều kiện và chính sách, chế độ

Cán bộ hưởng chính sách, chế độ, theo Nghị định 26 là những người thuộc đối tượng quy định tại Điểm 1 Hướng dẫn này có đủ các điều kiện:

2.1. Những người thôi tham gia tái cử vì tuổi

Là những cán bộ có độ tuổi được quy định tại Chỉ thị 35 và Hướng dẫn số 26-HD/BTCTW ngày 18/10/2019 của Ban Tổ chức Trung ương *Một số nội dung Chỉ thị số 35-CT/TW của Bộ Chính trị về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng* (gọi tắt là Hướng dẫn 26), với các điều kiện sau:

- Có thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ đủ 20 năm trở lên theo quy định hiện hành của Luật Bảo hiểm xã hội. Riêng trường hợp cán bộ nữ cấp xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã) cần có thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ đủ 15 năm trở lên.

- Thời gian công tác tính đến ngày Đại hội Đảng bộ các cấp; bầu cử

¹ Là những người không còn đủ tuổi tham gia tái cử cấp ủy các cấp (tỉnh, huyện và tương đương) nhưng vẫn tiếp tục công tác và đảm nhận các chức vụ của chính quyền (giám đốc sở và tương đương; trưởng phòng quận, huyện, thị xã và tương đương).

Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp hoặc Đại hội của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội mà còn dưới 30 tháng thì đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định.

Việc xác định tuổi của cán bộ, đảng viên khi tái cử không có sự thống nhất (*tuổi của cán bộ, đảng viên không có sự thống nhất trong hồ sơ; trường hợp hồ sơ của cán bộ, đảng viên chỉ ghi năm sinh và không xác định được ngày sinh, tháng sinh*) thì được thực hiện thống nhất theo quy định tại Hướng dẫn 26⁽²⁾.

2.2. Chính sách, chế độ đối với người thôi tái cử

Căn cứ vào tuổi tại thời điểm tái cử và nguyện vọng của cán bộ đang giữ chức vụ, chức danh bầu cử để giải quyết chính sách, chế độ đối với từng trường hợp cụ thể theo đúng quy định tại Nghị định số 26.

Cán bộ thôi tái cử, tái bổ nhiệm được nghỉ công tác chờ đủ tuổi sẽ nghỉ hưu được hưởng *nguyên mức lương chức vụ hoặc mức lương theo ngạch bậc, phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề, mức chênh lệch bảo lưu lương, phụ cấp công tác đảng (nếu có) đến khi nghỉ hưu*; không thực hiện việc nâng bậc, nâng ngạch lương trong thời gian nghỉ chờ nghỉ hưu và tiếp tục thực hiện việc đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định.

2.3. Thời gian giải quyết chính sách, chế độ đối với người thôi tái cử

Thực hiện từ trước ngày Đại hội Đảng bộ, Đại hội Mặt trận và đoàn thể chính trị - xã hội của cấp mình là 3 tháng (90 ngày) và chậm nhất không quá 1 tháng (30 ngày) kể từ ngày kết thúc nhiệm kỳ đại hội (bầu cử) của cấp cán bộ thôi tái cử.

3. Nguồn kinh phí

Kinh phí giải quyết chế độ đối với cán bộ không đủ tuổi tái cử do ngân sách nhà nước cấp theo quy định về phân cấp ngân sách hiện hành.

4. Tổ chức thực hiện

- Hướng dẫn này có hiệu lực từ ngày 01/01/2020 đến kết thúc nhiệm kỳ Quốc hội khoá XV, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp (nhiệm kỳ 2021-2026); Đại hội các cấp của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội nhiệm kỳ tới.

² Theo Khoản 2 Mục III có nêu: "Trường hợp hồ sơ của cán bộ, đảng viên chỉ ghi năm sinh và không xác định được ngày sinh, tháng sinh thì thời điểm xác định tuổi để tham gia cấp ủy và thực hiện chính sách đối với cán bộ là ngày 01 và tháng 01 của năm sinh ghi trong hồ sơ".

- Hồ sơ, thủ tục ra quyết định nghỉ hưu, nghỉ chờ đủ tuổi nghỉ hưu do cơ quan quản lý cán bộ, công chức thực hiện theo quy định phân cấp quản lý cán bộ hiện hành.

- Công chức được áp dụng chính sách, chế độ theo Nghị định 26 thì không áp dụng chính sách, chế độ quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ *Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế.*

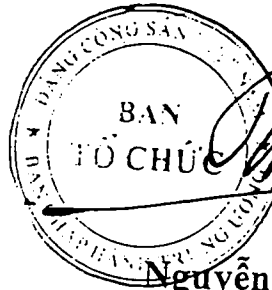
- Hướng dẫn này thay thế các văn bản hướng dẫn thực hiện chính sách, chế độ theo Nghị định 26 trước đây.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị cơ quan, đơn vị phản ánh về Ban Tổ chức Trung ương để cùng nghiên cứu, giải quyết. /*ST*

Nơi nhận:

- Ban Bí thư (để báo cáo),
- Đồng chí Trưởng Ban (để báo cáo),
- Ban cán sự đảng Chính phủ,
- Các đồng chí Phó Trưởng Ban,
- Bộ Nội vụ,
- Bộ Tài chính,
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội,
- Bảo hiểm xã hội Việt Nam,
- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội ở Trung ương,
- Các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương,
- Ban Tổ chức các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương,
- Lưu VP; Vụ CSCB.

K/T TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN THƯỜNG TRỰC



Nguyễn Thanh Bình